VAI TRÒ CỦA ĐOẠN MỘT CÂU TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN CÔNG HOAN

ĐẶNG THỊ THANH HOA*

TÓM TẮT

Trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan, việc sử dụng các đoạn một câu nhằm nhấn mạnh nội dung được tác giả sử dụng và khai thác rất hiệu quả, góp phần tạo nên những thành công về nội dung và nghệ thuật cho tác phẩm; qua đó, nhà văn đã chứng tỏ tài năng bậc thầy khi vận dụng ngôn ngữ tiếng Việt một cách sáng tạo, khéo léo và uyển chuyển.

Từ khóa: đoạn văn, đoạn văn một câu, Nguyễn Công Hoan.

ABSTRACT

The sematics of the one-sentence paragraphs in Nguyen Cong Hoan's short stories

In short stories written by Nguyễn Công Hoan, the usage of the one-sentence paragraphs to emphasize author's idea was applied and exploieted effectively, contributing to the success of his writtings in terms of contents and art.

Keywords: paragraph, one-sentence paragraph, Nguyễn Công Hoan.

1. Đặt vấn đề

1.1. Ngôn ngữ học văn bản là một bộ phận của ngành ngôn ngữ học nghiên cứu các đơn vị trên câu. Trong đó, đoạn văn là đơn vị trung tâm có vị trí rất quan trọng trong việc cấu thành văn bản. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về văn bản của các nhà nghiên cứu nước ngoài và trong nước, dĩ nhiên trong đó ít nhiều có đề cập đoạn văn trong văn bản, như: *Văn bản với tư cách đối tượng nghiên cứu ngôn ngữ học* (1985) của I. R. Galperin, *Ngữ pháp văn bản* (1996) của Moskalskaja, *Phân tích diễn ngôn* (2002) của G. Brown và G. Yule, và các công trình của A. M. Pecopxky, K. Bosto... Còn ở trong nước, việc nghiên cứu văn bản, đoạn văn đã thu hút sự quan tâm của các nhà ngôn ngữ học: Trần Ngọc Thêm, Đinh Trọng Lạc, Diệp Quang Ban, Nguyễn Minh Thuyết, Phan Mậu Cảnh… Các công trình này đều đề cập đoạn văn gồm khái niệm, các kiểu kết cấu của đoạn văn, tách đoạn văn, các phép liên kết đoạn văn… Tuy nhiên, vấn đề về *đoạn một câu* (trong bài viết này, chúng tôi gọi các đoạn văn một câu là "đoạn một câu") mặc dù đã được các tác giả đề cập nhưng cũng chỉ mới dừng lại ở mức độ sơ lược chứ chưa được tìm hiểu thấu đáo.

1.2. Nguyễn Công Hoan là nhà văn tài năng của dòng văn học hiện thực phê phán. Sáng tác của ông đi sâu phản ánh chân thực và táo bạo cuộc đời, số phận của con người Việt Nam dưới xã hội thực dân phong kiến. Ông khai thác câu chữ chọn lọc, tinh tế, sắc sảo, tự nhiên mà rất sống động. Vì vậy, các tác phẩm của ông luôn dội mạnh vào tâm trí người đọc những âm vang, những hơi thở nóng hổi của thời đại. Đó chính là lí do khiến cho những sáng tác của nhà văn luôn nhận

* ThS, Trường Đại học Quy Nhơn; *Email: dangthithanhhoa@qnu.edu.vn*

được sự hoan nghênh của độc giả, sự quan tâm của các nhà nghiên cứu phê bình văn học và ngôn ngữ học. Tìm hiểu về ngôn ngữ trong các sáng tác của Nguyễn Công Hoan, đã có rất nhiều công trình, bài viết với nhiều hướng khai thác khác nhau. Song, vấn đề về đoạn một câu trong sáng tác của nhà văn cho đến nay vẫn còn để ngỏ.

1.3. Câu và đoạn một câu

Từ trước đến nay đã có rất nhiều định nghĩa về câu. Mỗi định nghĩa thể hiện quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, khi đề cập định nghĩa câu, các nhà nghiên cứu đều thống nhất: *Câu* là đơn vị thông báo nhỏ nhất của ngôn ngữ, là đơn vị trực tiếp cấu thành đoạn văn và văn bản, có cấu trúc thường đầy đủ, khi viết đầu câu phải viết hoa, kết thúc phải có dấu ngắt câu.

Còn *đoạn văn* là đơn vị trực tiếp cấu thành văn bản, thường được tạo bởi sự liên kết của nhiều câu thể hiện nội dung và mang cấu trúc nhất định. Tuy nhiên, trong những trường hợp nhất định, vẫn tồn tại các đoạn văn chỉ có một câu. Những đoạn văn này vẫn có tư cách hoạt động và tổ chức như các đoạn văn khác trong văn bản. Rõ ràng, sự tồn tại của các đoạn một câu chủ yếu nhằm thực hiện ý đồ nhấn mạnh của người tạo lập văn bản.

Việc nhận diện đoạn văn có rất nhiều tiêu chí: căn cứ vào chức năng, căn cứ vào cấu trúc, căn cứ vào dạng tồn tại… Với đoạn một câu, chúng tôi căn cứ vào dạng tồn tại của đoạn văn. Theo tiêu chí này, đoạn văn (tồn tại dưới dạng văn bản viết) được phân thành hai loại: đoạn văn là lời tác giả, người viết và đoạn văn là lời đối thoại của nhân vật, tác giả.

Như vậy, để nhận diện đoạn một câu, chúng tôi dựa vào dạng tồn tại của đoạn văn trong văn bản. Và đối với đoạn văn kiểu đối thoại, chúng tôi khảo sát những đoạn một câu là lời dẫn của người viết và không khảo sát những lời thoại của nhân vật, tác giả.

2. Vai trò của đoạn một câu trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan

2.1. Dùng để nhấn mạnh

Đoạn một câu có chức năng nhấn mạnh. Sở dĩ như vậy, bởi các đoạn một câu được tách ra khi người viết muốn nhấn mạnh, muốn lưu ý người đọc về vấn đề nào đó: sự vật, sự việc, hành động, suy nghĩ của nhân vật…

(1) *Nhưng bù nhìn chỉ làm cho chim chóc phải sợ hãi, nhưng nó thì có thể làm cho người ta không dám đến gần. Vì đến gần nó, trông thấy nước da đen sạm, dăn deo của nó, người ta tưởng như đó là cái thây ma chưa tiêu hết hiện về. Và cũng có mùi hôi thối xông lên. Và cũng có ruồi nhặng bám vào để hút chất bẩn.*

(2) *Thật thế, một đống rác, chưa đáng sợ, đáng tởm bằng nó. Vậy mà nó phải đi hết chỗ này đến chỗ nọ, để kiếm cái nhét vào dạ dày.*

(3) ***Để nó sống.***

(4) ***Vì nó chưa chết.*** (*Hai cái bụng*)

Ví dụ trên, về nội dung, hai đoạn văn (3), (4) là hai vế của một câu ghép được tách ra từ đoạn văn (2). Tuy nhiên, nhà văn đã tách ra thành hai đoạn văn: đoạn văn "để nó sống" chỉ kết quả, còn đoạn văn "vì nó chưa chết" chỉ nguyên nhân với mục đích nhấn mạnh khát khao duy nhất của "nó" là được sống. Mong muốn mãnh liệt ấy của "nó" đã tạo ấn tượng sâu sắc, chạm vào trái tim của người đọc qua nghệ thuật sử dụng ngôn

ngữ hết sức linh hoạt, khéo léo của nhà văn. Nhờ vậy, cuộc sống và số phận thê thảm của con người trong xã hội lúc bấy giờ được khắc họa rõ nét.

Trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan, chúng tôi nhận thấy, đoạn một câu có chức năng nhấn mạnh được nhà văn sử dụng phong phú, linh hoạt trong nhiều trường hợp.

2.1.1. Nhấn mạnh nội dung mở đầu một luận điểm, mở đầu tác phẩm

Đoạn một câu trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan còn tham gia tạo khung đề, xây dựng bối cảnh nền (không gian, thời gian nghệ thuật) để mở đầu tác phẩm.

Buổi hầu sáng hôm ấy.

Con mẹ Nuôi, tay cầm lá đơn, đứng ở sân công đường. Nó hớt hơ hớt hải qua cổng chòi, rồi sợ sệt, bỡ ngỡ, không biết quan ngồi ở buồng nào. Bỗng một người mặc áo cánh nái nhuộm vỏ già chạy xồng xổ đến trước mặt nó, và hỏi:

- Đi đâu ? (*Đồng hào có ma*)

Đoạn văn là một thông báo nhấn mạnh về thời điểm, sự việc mang tính chất mở đầu cho việc triển khai nội dung tiếp theo. Thời điểm ấy đã xảy ra sự việc vạch trần bản chất xấu xa của quan Huyện Hinh: con mẹ Nuôi bị quan "ăn cướp" trắng trợn 2 hào ngay trên công đường nên không đủ tiền để hầu kiện đành phải ra về.

Trong *Đàn bà là giống yếu*, quan ông sau khi cưới được cái Bống - cô vợ trẻ - đang sống trong những tháng ngày vô cùng hạnh phúc. Thế nhưng, hạnh phúc ấy của quan ông thật mong manh.

Đến một hôm giông tố.

Mưa đổ. Gió gào. Trời lạnh buốt. Quan lớn đi bắt xóc đĩa, mãi khuya bì bõm mới về tới dinh. Bước chân vào hiên nhà tư, quan sung sướng nghĩ tới cái giường đệm bông, cái lồng ấp thịt, thì lại quên hết nỗi khó nhọc xông pha. Mưa vẫn đổ. Gió vẫn gào. (*Đàn bà là giống yếu*)

Đoạn một câu trên nhấn mạnh thời gian. Thời gian ấy chính là thời điểm xảy ra sự cố bất ngờ trong hạnh phúc của quan ông. Vì thế, đoạn văn còn có nhiệm vụ thông báo, mở đầu cho những sự việc sắp xảy ra trong câu chuyện và trong hạnh phúc của quan ông.

2.1.2. Nhấn mạnh vào cái kết của câu chuyện hoặc bày tỏ thái độ của tác giả

Đoạn một câu, tùy thuộc vào vị trí và nội dung của chúng trong văn bản, còn có mục đích nhấn mạnh tính chất kết thúc một luận điểm, kết thúc tác phẩm hoặc bày tỏ thái độ của tác giả.

Sau khi chờ hai ngày quan Huyện đến xem xét và ra lệnh khám nghiệm tử thi. Nếu vậy, biết bao giờ mới được chôn cất người đã chết. Cuối cùng, ông Cứu, cha anh Xích, đành khấn quan 70 đồng. Kết thúc tác phẩm, nhà văn viết:

Và một giờ sau, lũ ruồi, lũ nhặng, lũ cá, lũ quạ, tiếc ngẩn ngơ.

Chúng có biết đâu rằng quan Huyện tư pháp đã tranh mất món mồi ngon của chúng. (*Thịt người chết*)

Đoạn văn chính là lời mỉa mai, chua xót của nhà văn về hiện thực xã hội lúc bấy giờ. Cái hiện thực với những luật tục tồn tại một cách bất công, vô lí đang đày đọa, giày vò con người, người đang sống và người đã chết.

Đề cập việc cụ Chánh Bá mất giày. Kệch cỡm thay đôi giày ấy của cụ cũ và xấu, mua đã mấy niên, đóng lại đế lần

thứ 4 mà vẫn hoàn không đế, lượt da bật dây gần hết. Vì thế, lúc được mời đi ăn cỗ, cụ và anh đầy tớ đã âm mưu đổi giày.

Lúc chập tối, trong khi có hai thầy trò cụ Chánh Bá ở nhà trên, thì cụ khẽ gạt tên đầy tớ, và liếc mắt một cái. Anh này hiểu ý, ra hiên đứng nhìn, rồi đến cạnh cụ, cúi xuống nhặt… Rồi thu vào trong bọc, rồi len lén ra ngoài ao, rồi giơ thẳng cánh tay, ném xuống nước đánh tõm…

Vì thế cho nên cụ Chánh Bá nhà tôi mất đôi giày mới nguyên. (*Cụ Chánh Bá mất giày*)

Âm mưu đó được cụ Chánh Bá và tên đầy tớ tính toán và lên kế hoạch tỉ mỉ. Và cuối cùng kế hoạch đó đã thành công. Đoạn một câu trên đã nhấn mạnh, khẳng định cụ Chánh Bá mất đôi giày "mới nguyên". Một kết quả mà chỉ những kẻ chuyên đi lừa lọc, ăn cướp trắng trợn mới có thể nghĩ ra. Do đó, đoạn văn đã đóng vai trò nhấn mạnh vào việc kết thúc luận điểm, kết thúc "hoàn hảo" một âm mưu.

2.2. Dùng để liệt kê

Trong sáng tác của Nguyễn Công Hoan, những đoạn một câu có chức năng liệt kê cũng được nhà văn sử dụng trong những trường hợp cụ thể thể hiện nội dung tác phẩm, tạo ấn tượng đối với người đọc.

Ai cũng yên bụng. Không ai để ý đến nó nữa. Họ nghênh xe đạp. Họ nhìn ô tô. Họ pha trò. Họ cười ha hả.

Nó vẫn ăn. Ngon quá!

Năm phút…

Mười phút…

Bỗng chốc:

- Ối ông đội sếp ơi! Thằng ăn cắp! Ai đuổi hộ tôi. (*Thằng ăn cắp*)

Đoạn văn miêu tả nhịp đếm thời gian chảy trôi một cách chậm chạp "năm phút, mười phút". Đó là thời gian vật lí hay thời gian tâm lí? Có lẽ là cả 2. Trong thời gian vật lí diễn ra tâm lí nhân vật. Không có tiền nhưng vì đói quá, thằng ăn cắp đánh liều vào quán ngồi ăn. Nhưng ăn xong rồi phải làm sao đây? Hắn suy nghĩ, lo lắng, đắn đo khi từng phút chậm chạp trôi qua "năm phút... mười phút…" nhưng được tách thành hai đoạn văn mục đích liệt kê nhấn mạnh bước đi của thời gian và nỗi lo lắng của thằng ăn mày.

2.3. Dùng dẫn dắt mạch truyện, liên kết các tình tiết

Đoạn một câu trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan, qua khảo sát của chúng tôi, còn được dùng để dẫn dắt mạch truyện, liên kết các tình tiết.

Bỗng mắt bà long lanh sáng. Bà đã có một ý hay.

Phải. Hay là tờ giấy bạc ấy còn vương trong xe.

Hay là thế chăng?

Biết đâu đấy? **(***Tấm giấy một trăm*)

Ví dụ trên với hai câu hỏi tu từ được đặt ra liên tiếp nhằm nhấn mạnh tất cả những suy nghĩ bề bộn, những băn khoăn mang tính chất phỏng đoán, nghi ngờ của "bà" về địa điểm rơi mất tờ bạc một trăm.

2.4. Dùng làm phương tiện của phép tu từ vĩ thanh

Đoạn một câu dùng làm phương tiện của phép tu từ vĩ thanh là đoạn văn được sử dụng phổ biến trong văn bản nghệ thuật. Bởi nó có thể truyền tải những ngôn ngữ "không lời" và thực hiện ý đồ nghệ thuật của nhà văn. Nhà văn Nguyễn Công Hoan, bậc thầy truyện

ngắn, đã không bỏ qua nghệ thuật sử dụng những đoạn một câu như thế này trong việc thể hiện sâu sắc, ấn tượng đến người đọc số phận nhân vật, sự kiện…

Trong truyện ngắn "Anh xẩm", tác giả đã vận dụng khéo léo, linh hoạt đoạn một câu để nhấn mạnh chuỗi bi thảm, khốn khổ của anh xẩm trong cuộc sống mưu sinh.

Thau anh vẫn không một tiếng vang động. Một xu cũng chẳng có. Một chinh to cũng chẳng có. Một chinh con cũng chẳng có. Anh càng hết sức để hát, để đàn, và để... không ai nghe.

Bởi vì...

Đường càng vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải, lại thỉnh thoảng một người đi lén dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Bởi vì...

Mưa càng như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lờ mờ trắng xóa. Xung quanh ngọn lửa điện đẫm lệ, rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Bởi vì...

Gió vẫn giật từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Hơi lạnh thấu buốt đến xương. Cây và cột đèn rú lên. (*Anh xẩm*)

Đây là những đoạn một câu mang đậm màu sắc tu từ. "Bởi vì…" được tách ra và lặp lại 3 lần một tiếng nấc nghẹn ngào, đau đớn đầy chua xót, bi ai. Đằng sau đoạn văn ấy là dấu ba chấm như càng khắc sâu nỗi đau. Nỗi đau ấy cứ trở đi trở lại trong anh Xẩm nhiều lần như vòng đời lẩn quẩn, bất hạnh, thê lương trong cuộc đời tăm tối của nhân vật mà anh không biết làm thế nào để thay đổi. Anh thật sự bế tắc trong khi đó, thiên nhiên bão tố "gió, mưa, lạnh…" hay bão tố cuộc đời đang cuộn sóng trong anh *Anh càng hết sức để hát, để đàn, và để... không ai nghe.*

2.5. Dùng để liên kết văn bản

2.5.1. Liên kết với vai trò là phương tiện chuyển ý trong văn bản

Để các đoạn văn mạch lạc, rõ ràng, trong các văn bản, nhà văn hay dùng các đoạn văn chuyển ý. Đây cũng là nhiệm vụ cơ bản của đoạn văn này. Ngoài ra, nó còn khép lại ý đã dẫn, đã bàn ở phần trên, gây tâm lí chờ đợi ở độc giả, diễn đạt được sắc thái tu từ, hoặc mở ra ý mới sẽ bàn ở phần sau, hoặc cả hai nhiệm vụ đó thực hiện cùng một lúc. Tuy nhiên, số lượng những đoạn văn này thấp, chỉ có 1%.

Qua kết quả khảo sát 68 truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan với 720 trường hợp là đoạn một câu. Đoạn một câu có chức năng chuyển ý có 8 trường hợp, chiếm 1%. Những đoạn văn này không nhắc đến nội dung của đoạn văn trước mà giới thiệu, nhấn mạnh nội dung sắp được nói tới trong đoạn văn tiếp theo. Điều đó không có nghĩa là nó làm cho đoạn văn sau tách hẳn với đoạn văn trước mà nó có chức năng nối kết và vẫn đảm bảo được sự liên thông ngữ nghĩa giữa đoạn trước với đoạn sau.

Trên đường về Bản Sing, vì trời tối "đen như mực" nên ông Châu và hai người lính đã giết sáu người. Khi biết đây không phải là phường thổ phỉ, trộm cướp mà là những người dân vô tội, ông Châu bèn hành động để che giấu tội trạng.

Ông Châu vốn là người có óc thực tế.

Hạng người này ít thiên về tình cảm. Nên khi một việc lỡ xảy ra, họ không xoa xuýt, than tiếc mà phải cương quyết tính ngay cách đối phó sau này. Vì vậy, trong giây phút, ông lanh trí, nghĩ ngay được cách làm thế nào để tránh lỗi với quan trên.

Thì ông làm thế này.

Ông đến tận nơi từng người bị đạn để tra hỏi. Khi biết đích bọn họ chỉ là người Thổ đi kiếm thuốc lá để sáng sớm mai bán tại chợ Bản Sing. […] (*Sáu mạng người*)

Và

Bắt sống được hai người cuối cùng, mà hai người này không có thẻ, ông Châu mới thực mừng. Ông sai trói gô họ vào gốc cây.

Rồi ông làm gì?

Rồi… đoành! Đoành! Ông chia cho mỗi người một phát đạn, không hơn không kém, để họ đỡ tị với bạn. (*Sáu mạng người*)

Đoạn một câu trong những ví dụ trên *Thì ông làm thế này, Rồi ông làm gì?* nằm giữa hai đoạn văn không chỉ nhấn mạnh mà nó còn làm nhiệm vụ nối kết những hành động của ông Châu Phiên nhằm trốn tội với quan trên khi lỡ tay giết sáu mạng người.

2.5.2. Dùng làm đoạn nối

Đoạn một câu có sử dụng từ ngữ dùng để nối kết hay chuyển tiếp văn bản là đoạn văn có sự hiện diện của các từ ngữ đảm nhận chức năng nối kết, tạo mạch liên kết chặt chẽ giữa câu với câu, đoạn với đoạn. Và trong truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan, chúng chiếm 18,6% (134 trường hợp) trong tổng số 720 đoạn một câu được khảo sát.

2.5.2.1. Nối kết các đoạn có quan hệ về trình tự thời gian, trình tự diễn đạt

Đây là nhóm các từ ngữ liên kết trong các đoạn một câu có tần số xuất hiện cao nhất với 56 trường hợp chiếm 42% trong tất cả các nhóm từ đảm nhận chức năng liên kết, với các từ ngữ liên kết như: *sau khi, đến khi, sau, rồi, một là, hai là, trước hết, kết cục...*

Cô sắm những thứ ấy, nhưng cô không dám để ở nhà, cô gửi đằng chị Bích Ngọc, ở phố Hàng Trống.

***Rồi từ đó**, mỗi buổi chiều, cô thu thu hộp phấn và bọc, cô đến chơi nhà cô Bích Ngọc.* (*Cô Kếu, gái tân thời*)

Ở ví dụ trên, sau từ liên kết ***rồi từ đó*** là hành động kế tiếp với hành động đã nêu đoạn văn trước. Tất cả các sự việc, hành động diễn ra theo một trình tự thời gian nhất định. Sự xuất hiện của ***rồi từ đó*** còn nhấn mạnh thời điểm cô Kếu sẽ đến nhà cô Bích Ngọc để được mặc và ngắm thỏa thích những bộ đồ tân thời mà cô giấu bà cụ sắm sửa. Trật tự này diễn đạt sự việc, hành động theo thời gian nhất định, không thể đảo ngược, thay đổi.

Ngoài sự hiện diện của từ ngữ liên kết chỉ trình tự thời gian, đoạn một câu trong sáng tác của Nguyễn Công Hoan còn có sự xuất hiện của các từ ngữ liên kết chỉ trình tự diễn đạt, liệt kê.

Lắm lúc định liều, bà tính cứ lên tỉnh, rồi bẩm với cụ lớn là thóc ế. Như vậy, bà có thể không thiệt hại gì. Song, thế không tiện. Cụ lớn đã tin cậy mà giao cho một việc. Mới có mỗi một việc. Chả lẽ chưa chi đã phụ bụng tốt của cụ lớn? Vả lại cụ lớn vồn vã, ngọt ngào, dễ dãi, phúc hậu, ai nỡ xử lại thế được?

***Kết cục**, là ngày 26 bà Chánh Tiền lên tỉnh có mang đủ số 500 lãi thóc của*

cụ lớn. (*Hé!Hé!Hé!*)

Là ngữ liên kết có tính cố định hóa, ***kết cục*** được tác giả sử dụng trong ví dụ trên chỉ trình tự diễn đạt cuối cùng trong hệ thống các chuỗi sự kiện. Và vì nằm sau ngữ liên kết ***kết cục*** cho nên sự việc bà Chánh Tiền mang tiền lãi thóc cho cụ lớn Tuần sau khi bà Chánh Tiền vất vả xoay sở mới đủ trở thành điểm nhấn thu hút sự chú ý của người đọc.

Khi đề cập nguyên nhân cái chết của anh Xích, người ta đoán "nhiều cớ".

Một là *anh Xích vì say quá, loạng choạng chở thúng, bị ngã vào chỗ sâu.*

Hai là *đương nhiên anh ngủ mê, vô ý cựa, đến nỗi lăn tòm xuống nước.* (*Thịt người chết*)

Sự có mặt của các ngữ ***một là, hai là*** ở ví dụ trên góp phần trình bày những phỏng đoán về nguyên nhân cái chết của anh Xích một cách cụ thể, rõ ràng, tạo được chú ý từ phía người đọc.

Các từ ngữ liên kết chỉ thời gian, trình tự diễn đạt thể hiện nguyên tắc trình bày là có quá khứ thì có hiện tại, có mở đầu thì có kết thúc, có vấn đề thứ nhất thì có vấn đề thứ hai. Vì vậy, nếu xuất hiện từ ngữ này mà không xuất hiện từ ngữ kia thì sẽ tạo ra cảm giác hụt hẫng, nội dung của văn bản không trọn vẹn.

Các loại từ ngữ kết này ngoài các ngữ cố định, thường còn được cấu tạo theo số đếm: *một là, hai là, ba là…* hoặc số thứ tự: *thứ nhất, thứ hai, thứ ba...* Nó mang tính xác định vai trò, nhấn mạnh vị trí các vấn đề giúp đoạn văn, câu văn liệt kê từng bước các nội dung cần diễn đạt. Ngoài ra, nó còn có chức năng định vị rõ ràng từng vấn đề, giúp người đọc tiếp thu một cách dễ dàng.

2.5.2.2. Nối kết các đoạn văn có quan hệ bổ sung

Thường đi kèm với các từ ngữ liên kết văn bản như: *và, vả lại, nói cách khác, đồng thời, lại còn, hay, thậm chí…* chiếm 7% trong 134 đoạn văn có sự hiện diện của các từ ngữ liên kết.

Vì đói quá, nó đánh liều ăn cắp. Thế rồi, nó bị bắt vào "nhà pha". Nhà tù đã "đào tạo" nó từ một người nhút nhát, lương thiện thành tên "khinh nhờn pháp luật". Sau khi được tha, nó đi qua hàng bánh và muốn "thử nghề".

Bỗng nó sực nhớ ra rằng từ sáng nó chưa có gì trong bụng. Rảo bước, nó đi thẳng ra chợ. Qua hàng bánh, nó nhận ra ngay cái bà hồi hơn ba tháng trước, đã túm nó, giải nó lên bóp. Trong óc nó nẩy ra một ý: Nó phải thử nghề.

Và *nó muốn xoáy của bà ta cho bà ta biết tay.* (*Thế cho nó chừa*)

Trong ví dụ trên, đoạn một câu có sử dụng từ liên kết "và" vừa nhấn mạnh, vừa tạo ra sự nối kết đoạn văn chứa nó với đoạn văn trước. Đoạn văn sau đã bổ sung thông tin cho đoạn văn trước: Nó không chỉ muốn "thử nghề" mà còn muốn trả thù bà bán bánh, người ba tháng trước khiến hắn vào tù.

2.5.2.3. Nối kết các đoạn văn có quan hệ tương phản

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi thống kê được đoạn văn thuộc nhóm này có 33 trường hợp, chiếm tỉ lệ tương đối cao 25%, và thường đi kèm với các từ ngữ liên kết mang ý nghĩa tương phản, biểu thị nội dung của đoạn văn sau đối lập với nội dung của đoạn văn trước, như: *trái lại, thế mà, nhưng, ấy thế mà, ấy vậy mà, lẽ ra, thì ra, song, mà, còn…*

"Đông tây đại học đường" lại còn ông phó Quản đốc, người học thức uyên bác, cựu học sinh trường Nam Định, và đậu Cao đẳng tiểu học vẫn còn tươi. […]

***Còn** tôi thì lĩnh chức "giáo sư" chuyên dạy tất các các lớp, cũng như hai ông Đốc và Phó, vì chúng tôi thây đổi nhau.*

***Song** tôi nghiệm ra rằng tôi thường bị đùn vào các lớp trên, để trông nom bọn quỷ sứ nhà trời, vì tôi không có "tình phụ tử", cái tình ấy rất cần cho "giáo sư" lớp trên.* (*Godautre*)

Từ liên kết ***còn, song*** trong ví dụ trên đứng đầu đoạn một câu, mở ra ngữ nghĩa tương phản giữa hai đoạn văn: giữa đoạn văn chứa từ ngữ liên kết và đoạn văn trước. Sự đối lập này càng nhấn mạnh nội dung được đề cập trong đoạn thu hút sự chú ý của người đọc.

2.5.2.4. Nối kết các đoạn văn có quan hệ nhân quả

Đoạn văn thuộc nhóm này là những đoạn văn có chứa từ ngữ liên kết biểu thị nội dung theo sau nó có mối quan hệ nhân - quả với vấn đề đã nêu**.** Chiếm 17% với 23 trường hợp, các đoạn một câu có sự xuất hiện của các từ ngữ nối kết, như: *cho nên, thế nên, vì thế cho nên, vậy thì, bởi vậy, cứ như vậy…*

Anh ở Sài Gòn ra hát ở Hà Nội đã ba năm nay. Vì anh có tài riêng mà tính lại thích tự do, nên anh chẳng chịu làm chuyên cho một rạp nào. Nhưng hễ rạp nào khéo dùng anh một độ, là cũng đông khách. Cho nên tối nào bà con Hà Thành đọc chương trình hay xem báo thấy kép Tư Bền đóng vai diễu, là cũng nô nức đi xem. Lắm người đến chậm, phải mang tiền về không và phàn nàn rằng rạp chật quá!

***Cho nên** những tối có anh hát giúp, thì các hí viện đều trưng lên là buổi hát đặc biệt.* (*Kép Tư Bền*)

Từ ngữ liên kết ***cho nên*** nối sự tình câu trước với sự tình câu sau, sự tình của câu theo sau nó là nguyên nhân lí giải cho sự tình của câu trước: anh kép Tư Bền có tài được công chúng yêu thích, đó là lí do rạp hát, hí viện nào mời được anh luôn chật ních khán giả.

2.5.2.5. Vừa nối kết các đoạn văn vừa biểu thị tình thái

Với sự hiện diện của các từ ngữ nối kết: *may làm sao, hình như, có lẽ, bất đắc dĩ, ức nhất, cố nhiên, sửng sốt…* chúng tôi đã khảo sát được 9% những đoạn một câu có từ ngữ liên kết biểu thị nghĩa tình thái. Mặc dù tỉ lệ không cao so với những nhóm khác nhưng những đoạn một câu có sự hiện diện của các từ ngữ liên kết này ngoài chức năng liên kết còn góp phần thể hiện nội dung tình thái cho đoạn.

Ông ta vắt hai tay ra sau, lặng ngắm Sáng. Lúc bấy giờ, ông ta có thể làm gì Sáng cũng được. Song, ông ta đứng yên.

***Có lẽ** ông ta đã động tâm, ông ta lau mồ hôi trán, giật khục tay và thở dài.* (*Sáng, chị phu mỏ*)

Từ ngữ liên kết "có lẽ" trong ví dụ trên nối kết các sự kiện xảy ra giữa các đoạn văn. Nhà văn đã biểu thị thái độ phỏng đoán về hành động của *ông chủ* khi ông không thực hiện tiếp hành động đồi bại đối với Sáng "có lẽ ông ta đã động tâm".

Hay từ ngữ liên kết "bất đắc dĩ" trong ví dụ sau:

***Bất đắc dĩ**, con ngựa người lại phải kéo con người ngựa vậy.* (*Ngựa người,*

người ngựa)

Từ ngữ liên kết "bất đắc dĩ" ngoài chức năng liên kết còn nhấn mạnh nghĩa tình thái đối với nội dung trong đoạn. Đó là sự miễn cưỡng, không cam tâm của anh phu xe khi phải tiếp tục kéo cô gái "bán hoa" đi tìm khách trong đêm cuối năm vì anh không còn sự lựa chọn nào khác.

Như vậy, các ngữ liên kết đã trình bày ở trên hầu hết có chức năng nối kết câu với câu, đoạn với đoạn. Nhờ sự có mặt của các ngữ liên kết này mà nội dung trong câu, trong đoạn được triển khai rõ ràng, cụ thể, chặt chẽ, logic. Nó ngầm thông báo cho người đọc, người nghe là đoạn trước, câu trước đã trình bày xong một vấn đề và sẽ tiếp tục trình bày một vấn đề khác theo trình tự thời gian, trình tự logic diễn đạt hoặc theo mối quan hệ ngữ nghĩa.

3. Kết luận

Nhà văn Nguyễn Công Hoan, trong các truyện ngắn, sử dụng và khai thác đoạn một câu rất hiệu quả, góp phần tạo nên những thành công về nội dung và nghệ thuật cho tác phẩm. Đoạn một câu được nhà văn dùng với năm vai trò: nhấn mạnh; liệt kê; dẫn dắt mạch truyện, liên kết các tình tiết; phương tiện của phép tu từ vĩ thanh; liên kết các đoạn. Tuy nhiên, sự phân chia này thực chất chỉ có tính tương đối, bởi có đoạn văn có thể đồng thời thực hiện nhiều chức năng và biểu đạt nhiều nội dung, nó vừa có thể nằm trong nhóm này lại vừa có thể nằm trong nhóm kia. Đó cũng chính là sự biến hóa tuyệt vời và hết sức thú vị của ngôn ngữ Việt. Vì thế, tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi mong muốn mở ra một hướng tiếp cận, một lối phân tích các tác phẩm của nhà viết truyện ngắn bậc thầy, Nguyễn Công Hoan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2006), *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, Nxb Giáo dục.
3. Brown, G. & Yule, G. (2002), *Phân tích diễn ngôn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Phan Mậu Cảnh (2008), *Lí thuyết và thực hành văn bản tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Đinh Trọng Lạc (1994), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
6. Moskalskaja (1996), *Ngữ pháp văn bản* (sách dịch), Nxb Giáo dục.
7. Trần Ngọc Thêm (1984), "Bàn về đoạn văn như một đơn vị ngôn ngữ (luận chứng, cấu trúc và sự phân đoạn)", *Ngôn ngữ* (3).
8. Trần Ngọc Thêm (1985), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 02-4-2016; ngày phản biện đánh giá: 03-6-2016; ngày chấp nhận đăng: 27-8-2016)